

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN TRUNG TRỰC

ĐỀ ÔN LUYỆN TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT LỚP 4 – VÒNG 18

ĐỀ 1

Bài 1. Nối 2 ô với nhau để được cặp từ đồng nghĩa

Mải mê	Hạ giới	Óng ánh	Kinh đô cũ	Đon đả
Say sưa	Thập thò	Trần gian	Muôn đời	Rải rác
Lấp ló	Nhật	Lấp lánh	Phai	Lẻ tẻ
Niềm nở	Luật lệ	Quy định	Cố đô	Thiên cổ

Bài 2. Sắp xếp lại vị trí các ô để được câu đúng.

Câu 1. Đèo/cao/ nắng/ ánh/ dao/ lưng. / thắt/ gài

→.....

Câu 2. Dải/mây/ đỏ/ dân/ núi./ đỉnh/ trắng/ trên

→.....

Câu 3. Cao/ khô/ tài/ ./ Bá/ luyện/ thành/ Quát

→.....

Câu 4. Con/ cối/ đá./ nằm/ cá/ đôi/ trên

→.....

Câu 5. Trái/đất/ quay/ quanh/ mặt/ trời/ ./

→.....

Câu 6. xanh/ chuối/ tươi/ Rừng/ hoa/ đỏ

→.....

Câu 7. Đoàn/ chạy/ cùng/ trời/ ./ thuyền/ đua/ mặt

→.....

Câu 8. Mặt / trời/ thì/ nằm/ đời/ ./ cửa/ bắp/ trên/

→.....

Câu 9. Mặt / như/ xuống/ hòn/ lửa/ ./ trời/ biển

→.....

Câu 10. Mắt / huy/ cá/ hoàng/ dậm/ ./ phoi/ muôn

→.....

ĐỀ 2

Bài 1. Nối 2 ô với nhau để được cặp từ đồng nghĩa

Đề ý	Người đọc	Lưu tâm	Ngăn nắp	Động viên
Dũng cảm	Người xem	Khán giả	Độc giả	Người nghe
Lộn xộn	Láng giềng	Thính giả	Bừa bộn	Tu bổ
Cổ vũ	Gan dạ	Sửa chữa	Gọn gàng	Hàng xóm

Bài 2. Sắp xếp lại vị trí các ô để được câu đúng.

Câu 1. học/ hậu/ Tiên/ lễ,/ học/ . / văn

->

Câu 2. nặng. / cá/ kéo/ Ta/ tay/ xoắn/ chùm

->

Câu 3. nh/ i / ục/ ch/ ph

->

Câu 4. ui/ v/ iề/ m/ n

->

Câu 5. mưa/ đổ/ nay/ Sáng/ trời/ rào

->

Câu 6. bay/ Nắng/ trái/ chín/ trong/ hương. / ngào/ ngọt

->

Câu 7. làm/gói/gày/nhô/nhấp/ Vai/mẹ

->

Câu 8. đưa/ lời. / và/ nô/ tim/ hát/ thành/ Lung

à

Câu 9. Mẹ/ con. / là/ tháng / ngày/ của/ đất / nước

->

Câu 10. ra/ Người/ bùng/ áp/ chợ/ tung/ Tết./ các

->

Trắc nghiệm 1

Câu 1. Nhận định nào dưới đây đúng nhất với bài tập đọc “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận?

- A. Bài tập đọc miêu tả sự thay đổi màu sắc của nước biển trong một ngày.
- B. Bài tập đọc miêu tả vẻ đẹp huy hoàng của biển cả sau cơn bão.
- C. Bài tập đọc ca ngợi vẻ đẹp huy hoàng của biển cả và vẻ đẹp người lao động.
- D. Bài tập đọc ca ngợi những ngư dân đã kiên cường chống lại bão biển.

Câu 2. Xuân Quỳnh là tác giả của bài thơ nào sau đây?

- a. Chợ Tết
- b. Tre Việt Nam
- c. Quê hương
- d. Tuổi Ngựa

Câu 3. Nhóm từ nào sau đây có từ viết sai chính tả?

- A. giòn giã, rộng rãi, trạm trở, rành rọt
- B. chẵn chiếu, nghiêng ngả, phổ xá, dỡ dành
- C. tron tru, diễn xuất, chậm rãi, rải rác
- D. xuất chúng, giữ gìn, chậm trễ, rả rích

Câu 4. Nhận xét nào đúng về khổ thơ sau?

“Thuyền ta chầm chầm vào Ba Bể
Núi dựng cheo leo, hồ lặng im
Lá rừng với gió ngân se sẽ
Hoạ tiếng lòng ta với tiếng chim.”
(Hoàng Trung Thông)

- A. Các từ “thuyền, ta, dựng, hồ” là danh từ.

- B. Các từ “châm chệm, cheo leo, se sẽ” là tính từ.
- C. Các từ “vào, dựng, ngân, họa, tiếng” là động từ.
- D. Các từ “thuyền, Ba Bể, tiếng chim, lặng im” là danh từ chung.

Câu 5. Câu nào dưới đây được tách đúng thành phân chủ ngữ và vị ngữ?

- A. Những người/ xa lạ cũng bùi ngùi xúc động trước cảnh tượng đó.
- B. Xuyên qua lớp vỏ cứng già hàng thế kỉ, những khóm lá non/ xanh tươi đã đâm thẳng ra ngoài.
- C. Tiếng cá quẫy / xôn xao mạn thuyền.
- D. Nhanh đào thắm tươi sẽ đem lại niềm vui và hạnh phúc / cho mọi người.

Câu 6. Những dòng thơ nào dưới đây có biện pháp nhân hoá và so sánh?

Bấp ngô vàng ngủ trên nương
Mệt rồi tiếng sáo ngủ vườn trúc xanh.

(Quang Huy)

Chị tre chải tóc bên ao
Nàng mây áo trắng ghé vào soi gương.

(Trần Đăng Khoa)

Ông trời nổi lửa đằng đông
Bà sân vẫn chiếc khăn hồng đẹp thay.

(Trần Đăng Khoa)

Những ngôi sao thức ngoài kia
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.

(Trần Quốc Minh)

Câu 7. Những câu nào dưới đây là tục ngữ?

- (1) Chớp tây nhay nháy, gà gáy thì mưa
 - (2) Quạ tắm thì ráo, cáo tắm thì khô
 - (3) Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa
 - (4) Trăng quàng thì hạn, trăng tán thì mưa
- a. (1), (2) b. (2), (3) c. (1), (3) d. (3), (4)

câu 8. Với 3 tiếng “non, núi, sông”, em có thể tạo được bao nhiêu từ ghép?

- a. 3 từ b. 4 từ c. 5 từ d. 6 từ

Câu 9. Nhận xét nào đúng về đoạn văn sau?

“(1) Những đôi tranh vàng óng **lao xao** trong gió nhẹ. (2) Những đôi **đất đỏ** như vung úp nổi nhau chạy **tít tắp** tận chân trời. (3) Đó đây, những cụm rừng xanh thẫm như ốc đảo nổi lên giữa thảo nguyên. (4) Những đồn điền cà phê, chè,... **tươi tốt** menh mông. (5) Những rẫy lúa, nương ngô bên những mái nhà sàn thấp thoáng trải dài ven bờ suối, hoặc **quây quần** trên những ngọn đồi.”

(Theo Ay Dun – Lê Tấn)

- A. Các từ in đậm trong đoạn văn trên là từ láy.
- B. Các từ in đậm trong đoạn văn trên là từ ghép.
- C. Câu (2), (3) sử dụng biện pháp so sánh.
- D. Câu (1), (2) và (3) thuộc câu kể “Ai làm gì?”

Câu 10. Những câu ca dao sau nhắc đến thành phố nào?

“Hàng Thùng, Hàng Bát, Hàng Tre
 Hàng Vôi, Hàng Giấy, Hàng The, Hàng Gà
 Quanh quanh về đến Hàng Da
 Trãi xem phường phố thật là đẹp xinh.”

- a. Hải Phòng b. Hồ Chí Minh c. Hà Nội d. Đà Nẵng

ĐỀ 3

Bài 1. Em hãy giúp hổ vàng xếp lại các vị trí các ô trống để hoàn thành câu và phép tính thích hợp

1. xanh, chuối, tươi, hoa, đỏ, Rừng
2. Đoàn, thuyền, mặt, chày, trời, đua, ., cùng
3. trời, Mặt, đòi, trên, ., thì, của, nằm, bấp
4. ., xuống, hòn, trời, như, biển, lửa, Mặt
5. Mặt, dằm, ., huy, muôn, cá, phơi, hoàng
6. gài, nắng, Đèo, lung., ánh, cao, dao, thắt
7. khổ, Bá, thành, Cao, ., Quát, luyện, tài
8. ., bốp, nát, quả, Toàn, Trần, Quốc, cam
9. sinh, ra, tử, Vào
10. trời, quay, quanh, mặt, ., đất, Trái

Bài 2. Phép thuật mèo con

Em hãy giúp bạn mèo nối 2 ô với nhau để được cặp từ đồng nghĩa hoặc phép toán giống nhau



Bài 3: Điền từ

Câu 1. Điền từ phù hợp vào chỗ trống: "Khi nêu yêu cầu, đề nghị phải giữ phép.....sự"

Câu 2. Điền từ phù hợp vào chỗ trống: "Gan...có nghĩa là không sợ nguy hiểm"

Câu 3. Điền từ phù hợp vào chỗ trống: "Chống chọi một cách kiên cường, không lùi bước, được gọi là..... góc"

Câu 4. Điền từ phù hợp vào chỗ trống: "Ngành nghiên cứu các vật thể trong vũ trụ được gọi là.....văn học"

Câu 5. Điền từ phù hợp vào chỗ trống:

*Mùa xuân là Tết trồng cây
Làm cho đất nước càng ngày càng....*

Câu 6. Điền từ phù hợp vào chỗ trống: Gantức là trơ ra, không biết sợ là gì?

Câu 7. Điền từ phù hợp vào chỗ trống:

*Buồn trông chchéch sao Mai
Sao ơi sao hỡi nhớ ai sao mờ*

(Ca dao)

Câu 8. Điền s hay x vào chỗ trống Đứng mũi chịu sào nơi đầu ngọn gió

Câu 9. Điền từ phù hợp vào chỗ trống

Khi viết cuối câu cầu khiến có dấu chấm than hoặc dấu chấm....

Câu 10. Điền từ phù hợp vào chỗ trống

*Người thanh nói tiếng cũng thanh
Chuông kêu khẽ đánh bên thành....*

